

TRẦN NHÂN TÔNG VÀ THIỀN PHÁI TRÚC LÂM

(Chương XII - Việt Nam Phật Giáo Sử Luận, Tập 1)

Nguyễn Lang

Kỳ 2 (tiếp theo kỳ trước)

TƯ TƯỞNG THIỀN HỌC

Trúc Lâm đã để lại những tác phẩm sau đây, mà hiện chúng ta chỉ còn những đoạn trích in lại trong sách Tam Tổ Thực Lục và Thánh Đăng Lục:

- 1) Thiền Lâm Thuyết Chủ Ngữ Lục
- 2) Trúc Lâm Hậu Lục
- 3) Thạch Thất My Ngữ
- 4) Đại Hương Hải Ấn Thi Tập
- 5) Tăng Già Toái Sự

Ba tác phẩm đầu, Thiền Lâm Thuyết Chủ Ngữ Lục, Trúc Lâm Hậu Lục và Thạch Thất My Ngữ là những sách tập hợp các bài kệ tụng, những lời thiền ngữ và những đoạn văn đáp giữa Trúc Lâm và môn đệ. Đại Hương Hải Ấn Thi Tập tập hợp những bài thơ của Trúc Lâm, một số bài còn được giữ lại trong các tuyển tập như Việt Âm Thi Tập, và Toàn Việt Thi Lục nhờ tính cách ít từ ngữ Phật Giáo của chúng. Tăng Già Soái Sự chắc là một tập văn xuôi có tính cách thực dụng trong giới thiền giả.

Ngoài những tác phẩm chữ Hán kể trên, Trúc Lâm còn sáng tác bằng chữ Nôm nữa. Hiện chúng ta còn được một bài phú và một bài ca của Trúc Lâm viết bằng chữ Nôm (Cư Trần Lạc Đạo Phú và Đặc Phú Lâm Tuyền Thành Đạo Ca). Hai bài này được giữ lại trong tác phẩm An Tử Sơn Trần Triều Trúc Lâm Thiền Tông Bản Hạnh của hòa thượng Chân Nguyên Đăng, ấn hành năm 1745.

Ngoài ra, Trúc Lâm còn viết bài Thượng Sĩ Hành Trạng nói về cuộc đời của Tuệ Trung và những kỷ niệm của vua đối với Tuệ Trung. Bài này in ở cuối sách Tuệ Trung Thượng Sĩ Ngữ Lục.

Về phương diện tư tưởng, Trúc Lâm chịu ảnh hưởng sâu xa của Tuệ Trung, nhưng nếu so sánh lối diễn đạt, ta sẽ thấy Tuệ Trung trực tiếp hơn, đơn giản hơn, hiện thực hơn, trong khi Trúc Lâm thiên trọng hơn về phương diện văn chương và hình ảnh. Về hình thái, Trúc Lâm chứng chạc hơn, nhưng ta ít thấy nói vua với sức sống tâm linh mãnh liệt toát ra từ những lời thiền ngữ như trong trường hợp Tuệ Trung.

Trúc Lâm được sống nhiều năm trong thiền viện và đã sinh hoạt theo thể thức và quy chế thiền viện. Vua đã nhiều lần kết hạ an cư, đăng đàn thuyết pháp và chủ tọa những buổi đại tham, tức là những cuộc tham vấn về thiền trong đó toàn thể đại chúng trong thiền viện được tham dự. Những buổi tham vấn nhỏ thì được gọi là tiểu tham. Trúc Lâm thường bắt đầu buổi đại tham bằng lễ niệm hương. Kế tiếp, vua nói một vài lời mở đầu, và sau đó trả lời những câu hỏi. Sau đây ta hãy đọc một đoạn kể lại một buổi đại tham như thế do thiền sư Pháp Loa chép lại trong cuốn Thiền Đạo Yếu Học;

"Ngày mồng chín tháng giêng năm Bính ngọ (1306) tại Kỳ Lân Viện, Trúc Lâm Đại Tôn Giả khai mạc buổi vấn đạo ở thiền đường. Sư chỉ vào pháp tọa mà nói:

- Pháp tọa này là chiếc ghế giầy khúc lục [6] là kim nghệ bảo tọa, ngồi thì như ngồi trên đầu lưỡi của Phật Tổ, ai là người dám ngồi?

Sư niệm hương như sau:

- Một nén hương này, khói lành thơm phức, hơi lành bay khắp, ngưng tụ được cả pháp

thân ngũ phận, phổ biến được phép cúng dường mẫu nhiệm tận mười phương đốt ở trong bình, khiến cho mười phương gia hộ, chí miếu ứng linh, ngọc lịch miên trường, hoàng đồ củng cố; một nén hương này, xông cũng không nóng, đốt cũng không tan, đập cũng không nát, lặn cũng không thành: nhìn vào thì con người khô héo, người phải thì não cân tê liệt, đốt ở trong bình, dâng lên bậc vô nhị thượng nhân là Tuệ Trung Đại Sĩ, xin cho mưa pháp tưới ơn, cháu con thấm nhuần.

Thằng đường, vị thượng thủ bạch chùy, sư nói:

- Này đại chúng, nếu nói tới đệ nhất nghĩa đế [7] thì vừa động niệm nhất đã sai, vừa há miệng đã lầm. Như thế làm sao tỏ bày chân lý, làm sao giảng bày phép quán? Hôm nay ta thử bắt đầu từ phía bên kia (đệ nhị đầu) xem thử có được hay không?

Nói lời ấy xong, nhìn hai bên tả hữu, rồi tiếp:

- Trong chúng có bậc đại tuệ nhãn hay không? Nếu có thì chỉ xin hai cặp lông mi dương lên một chút. Nếu không, bần đạo không phải ba hoa mở miệng đem những lời hủ nát trình bày. Chỉ vì quý vị mà đưa ra một món đồ xưa thôi vậy. Lắng nghe, lắng nghe: Đạo lớn bao la, làm sao ràng buộc bằng ý tưởng, thể tính lặng yên, không thiện không ác, hể phân biệt thì sẽ xuất hiện nhiều mối phức tạp; hể khởi ra một mảy may quan niệm thì tức khắc sẽ tan biến. Phàm và Thánh cùng chung một mối, thị và phi đâu phải hai đường; cho nên hãy biết rằng trong tự tính thì tội phúc vốn không, nhân quả chẳng thật, ai ai cũng có đủ thể tính ấy, người người đều đã viên thành. Phật tính và pháp thân như hình như bóng, tùy lúc chìm tùy lúc hiện, không phải một cũng không phải hai, ở ngay dưới mũi ta, trước mặt ta vậy mà dương mắt nhìn không dễ gì trông thấy; bởi vì có ý đi tìm thì sẽ không bao giờ thấy đạo. Ba ngàn pháp môn đều ở trong gang tấc, hằng sa điều dụng đều có sẵn ở nguồn tâm. Cái gọi là giới môn, định môn, tuệ môn, các vị không ai là không có đủ. Nên trở về quan sát nơi tự tâm: khi nghe âm thanh, khi thấy hình sắc, khi tay cầm, chân bước, thì đó là công dụng của thể tính nào? Tính ấy thuộc tâm nào? Tâm và tính cùng rõ ràng thì cái gì phải cái gì không phải? Pháp tức là tính, Phật tức là tâm, vậy tính nào không phải pháp, Tâm nào không phải Phật. Phật cũng là Tâm; Pháp cũng là Tâm; nhưng vì Pháp vốn là không-Pháp, cho nên khi nói tới pháp là tâm thì cũng như nói tâm là không - tâm; tâm đã là không tâm thì khi nói tâm là Phật cũng như khi nói tâm là không Phật! Này quý vị, thời gian đi qua mau chóng, mạng sống con người trôi chảy không ngừng, tại sao hàng ngày biết ăn cháo ăn cơm mà không tham khảo ngay vấn đề cái chén cái thìa như vậy.

Lúc bấy giờ có một vị lão tăng đứng dậy hỏi:

- Áo cơm những chuyện tâm thường nọ.

Cần chi phải tạo chuyện nghi nan?

Vị sư làm lễ xong đứng dậy hỏi: "Ở cảnh giới thiên thì không có ước muốn, không cần đến hỏi; ở cảnh giới ước muốn thì không có thiên, hỏi là hỏi gì?, xin cho biết?" Sư lấy tay chỉ vào trong khoảng không. Vị sư nói: "Dùng thứ đàm giải do cổ nhân khạc nhổ ra thì có ích lợi gì?" Sư đáp: "Mỗi lần cầm đến là một lần đổi mới" (Thiền Đạo Yếu Học).

Trong lời mở đầu của Trúc Lâm, ta thấy vua nói đến thể tính giác ngộ sẵn có nơi mọi người và đến nguyên tắc tự mình trở về thực hiện lấy tự tính giác ngộ ấy bằng phương pháp không-truy-tầm tức là không đối tượng hóa tự tính giác ngộ ấy để chạy theo đuổi bắt ("có ý đi tìm đạo thì không bao giờ thấy đạo"). Đây là những điều mà Trúc Lâm tâm đắc từ Tuệ Trung. Cuối bài phú Cư Trần Lạc Đạo, Trúc Lâm có viết một bài kệ nhắc lại nguyên tắc không-truy-tầm này:

Cư trần lạc đạo hãy tùy duyên

Hể đối thì ăn, mệt nghỉ liền

Châu báu đầy nhà đừng chạy kiếm

Vô tâm đối cảnh, hỏi chi thiên?

(Cư trần lạc đạo thả tùy duyên

Cư tắc xan hề, khổn tắc miên

Gia trung hữu bảo hựu tầm mịch

Đối cảnh vô tâm mạc vấn thiên).

Trúc Lâm cũng như Trần Thái Tông, rất ý thức về tính cách vô thường của cuộc sống

và thao thức thực hiện sự giải thoát đạt đạo. Vua đã biết dùng thì giờ trong mọi hành động cử chỉ nhỏ nhất để tham quán thiền đạo. "Này quý vị, thời gian qua đi mau chóng, mạng sống con người trôi chảy không ngừng, tại sao hàng ngày biết ăn cháo ăn cơm mà lại không biết tham khảo ngay vấn đề cái chén cái thìa?" Vấn đề cái chén cái thìa, theo vị sư đối thoại với Trúc Lâm là những vấn đề "tâm thường" không cần đặt ra; nhưng chính thiền sư mà chúng ngộ được là do ở sự tham quán thường trực về những chuyện "tâm thường" như vậy. Sự giác ngộ đạt đạo, theo Trúc Lâm phải được thực hiện ngay trong kiếp này. Thân mạng và cuộc đời vô thường, đời người như một mùa xuân sẽ qua. Mùa xuân này không thể để cho nó trôi qua một cách vô ích; tiếng kêu thiết tha rơi máu của con chim đỗ quyên nhắc ta điều đó. Trúc Lâm đã mở đầu một buổi đại tham tại chùa Sùng Nghiêm bằng một bài kệ:

Thân như hơi thở qua buồng phổi
Kiếp tựa mây luôn đỉnh núi xa
Chim khuyển kêu rã bao ngày tháng
Đâu phải mùa xuân để luống qua
(Thư hư hô hấp tỵ trung khí
Thế tự phong hành lĩnh ngoại vân
Đỗ quyên đề đoạn nguyệt như trú
Bất thị tâm thường không quá xuân)

Để thấy tư tưởng thiền của Trúc Lâm, ta hãy đọc vài đoạn văn đáp sau đây trong buổi đại tham chùa Sùng Nghiêm:

"Sư đánh một tiếng chùy nữa mà nói:

- Chẳng có ai cả sao? Hãy trình diện ra! Hãy trình diện ra!

Một vị tăng bước ra hỏi:

- Thế nào là Phật?

Sư đáp:

- Chấp y lỗi cũ là sai lạc.

Lại nói tiếp:

- Thế nào là pháp?

Sư đáp:

- Chấp y lỗi cũ là sai lạc.

Lại hỏi:

- Rốt cuộc là thế nào

Sư đáp:

- Tám chữ tháo tung trao bạn hết[8]

Còn chi đâu nữa để trình bày?

Hỏi tiếp:

- Thế nào là tăng?

Sư đáp:

- Chấp y lỗi cũ là sai lạc.

Hỏi tiếp:

- Rốt cục thế nào?

Sư đáp:

- Tám chữ tháo tung trao bạn hết

Còn chi đâu nữa để trình bày?

Hỏi tiếp:

- Thế nào là một việc {con đường }hướng thượng ?

Sư đáp:

- Khiên nhật nguyệt trên đầu gậy.

Hỏi tiếp:

- Dùng công án cũ mà làm gì?

Sư đáp:

- Mỗi khi dùng đến, lại thành mới tinh.

Hỏi tiếp:

- Thế nào là sự trao truyền ngoài giáo điển?

Sư đáp:

- Con ếch ương không nhảy ra khỏi rổ được đâu.

Hỏi tiếp:

- Nhưng sau khi nhảy ra rồi thì sao?

Sư đáp:

- Theo chân ếch nhái, cát bùn vấy thêm.

Hỏi tiếp:

- Vì vậy mà nhảy không khỏi phải không?

Điều Ngự lớn tiếng:

- Anh chàng mù kia, có thấy cái gì {đây} không?

Hỏi tiếp:

- Tôn đức lừa gạt người ta làm gì?

Điều Ngự sực; vị tăng đang suy nghĩ thì bị Điều Ngự đánh. Vị tăng định mở miệng hỏi, Điều Ngự liền hét. Vị tăng cũng hét. Điều Ngự nói:

- Lão tăng nghe người hét một tiếng. Nhưng đồng thời lão tăng cũng hét một tiếng, thế là hai tiếng. Vậy người hiểu về hai tiếng hét đó thế nào? Nói mau! Nói mau!

Vị tăng đang suy nghĩ thì Điều Ngự lại hét một tiếng khác và nói:

- Hồn con chồn hoang kia, bây giờ ở tại đâu, hãy mau mau tỉnh dậy!

Vị tăng làm lễ và rút lui.

Một vị tăng khác tiến lên hỏi:

- Gia phong của các đức Phật quá khứ thì thế nào?

Sư đáp:

- Vườn rừng vắng mặt người chăm sóc

Lý trắng đào hồng tự nở hoa.

Hỏi tiếp:

- Gia phong của các đức Phật hiện tại thì thế nào?

Sư đáp:

- Bãi biển đợi triều, mây nhớ nguyệt

Thôn chài nghe sáo, khách trông nhà.

Lại hỏi tiếp:

- Còn gia phong các đức Phật vị lai?

Sư đáp:

- Bãi biển đợi triều, mây nhớ nguyệt

Thôn chài nghe sáo, khách trông nhà.

Lại hỏi:

- Còn gia phong của hòa thượng thì sao?

Sư đáp:

- Áo rách đùm mây đun cháo sớm

Bình xưa đựng nguyệt nấu trà khuya.

Hỏi tiếp:

- Ngày xưa, khi Linh Vân thấy hoa đào nở mà chứng ngộ thì thế nào?

Sư đáp:

- Hoa nở hoa tàn tùy tiết nọ

Gió đông đâu biết, hỏi mà chi?

Hỏi tiếp:

- Giết người mà không nhú mắt thì sao?

Sư đáp:

- Thì can đảm lắm chứ sao!

Hỏi tiếp:

- Bạc tu hành lớn còn có thể rơi vào vòng tròn nhân quả nữa không?

Sư đáp:

- Miệng tựa huyết hồng phun Phật Tổ.
Răng như gươm bén đốn thiên lâm
Sáng kia chết xuống a tỳ ngục
Vội niệm "Nam Mô Quan Thế Âm!"

Hỏi tiếp:

- Cò trắng xuống đồng ngàn điểm tuyết
Ngô đồng oanh đậu, một cành hoa.
ý thế nào?

Sư đáp:

- Câu ấy vốn không phải như thế.

Hỏi:

- Vậy câu ấy vốn thế nào?

Đáp:

- Cò trắng xuống đồng, ngàn điểm tuyết
Ngô đồng oanh đậu, một cành hoa.

Hỏi tiếp:

- Đó là chuyện của ai vậy?

Sư đáp:

- Nên biết lò tiên nhiều kỹ thuật
Nhân đơn vốn cũng tử chu sa.

Hỏi tiếp:

- Pháp thân thanh tịnh là gì?

Đáp:

- Đục vàng rơi đồng phân sư tử
Chim cô trên đỉnh Thiết Côn về.

Hỏi:

- Kê học nhân này không hiểu?

Đáp:

- Giá vốn đã hay, hàng bán khó
Khổ khi buôn bán phải lừa nhau.

Hỏi tiếp:

- Viên mãn báo thân là gì?

Sư đáp:

- Cánh bằng liệng cao, sức gió mạnh
Lẽ Châu linh hoạt, sóng thần xanh
Vị tăng lễ bái. Điều Ngự nói tiếp:

- Nguyên lai đầy đủ muôn công dụng
Vị người nghiêng lệch mới không thành.

Hỏi:

- Còn thế nào là thiên bách ức hóa thân?

Đáp:

- Hồ phong hoá vũ chi cho lắm
Mực nước hiên nhà vẫn giữ nguyên

Vị tăng:

- Đúng như vậy.

Điều Ngự:

- Hào hán nhóm mây trên đỉnh núi
Bốn bên địa ngục vẫn chờ trông!
Vị tăng lễ bái rồi lui".

Ta thấy gì trong hai cuộc tham khảo trên? Trong cuộc tham khảo thứ nhất, Trúc Lâm tránh né không để cho người đối thoại tạo tác những ý niệm về Phật, Pháp, và Tăng. Chủ đích đồng với chủ đích của Tuệ Trung, nhưng phương pháp không trực tiếp và mạnh bạo như của Tuệ Trung. Dù Trúc Lâm có dùng gậy đánh (Tuệ Trung không bao giờ dùng đến

gậy) và tiếng hét, nhưng lối diễn tả của vua bao giờ cũng có tánh ước lệ bình thường hơn lối diễn tả của Tuệ Trung. Trong cuộc tham khảo thứ hai, Trúc Lâm dùng rất nhiều hình ảnh thi ca để nói về tam thân (pháp thân, báo thân và ứng thân), và khuyên người đối thoại đừng vói theo những khái niệm giáo lý: nhóm mây trên đỉnh núi không làm tiêu tan được cảnh nuốt viên đồng đỏ cháy dưới địa ngục!

(còn tiếp)

Chú thích:

[6] (70) Khúc lục thẳng sàng: ghế này dùng trong thiền viện

[7] (71) Đệ nhất nghĩa đế: chân lý tuyệt đối.

[8] (72) Tám chữ tháo tung: Tám chữ là "sinh diệt diệt dĩ, tịch diệt vi lạc" (sinh và diệt sau khi đã diệt rồi, thì đó là niềm vui niết bàn). Kinh Niết Bàn, phẩm Thánh Hạnh, kể chuyện Bồ Tát Tuyết Sơn hy sinh cho quỷ La sát ăn thịt để được nghe nửa sau của bài kệ, gồm có tám chữ. Toàn bài kệ như sau:

"Chư hạnh vô thường

Thị sinh diệt pháp

Sinh diệt diệt dĩ

Tịch diệt vi lạc".
